

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Đức

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/8/1990; Nơi ĐKKH: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Khu Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2/ Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh ngày 11/7/1989; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14/10/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Xuân T kết hôn ngày 21/03/2017, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Tiến. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do mâu thuẫn với gia đình nhà chồng và vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không dàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Tiến.

Về con chung: vợ chồng chị có 2 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/12/2017 và Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2019. Hiện nay, cháu Đ đang ở với anh T, cháu K đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu K, để anh T nuôi cháu Đ, các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Xuân T trình bày: Anh xác nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Kết hôn xong chị N về chung sống cùng anh. Quá trình chung sống do chị N có mâu thuẫn với gia đình anh, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị Ngân bỏ đi nhiều lần và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Như chị N trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý với quan điểm của chị N.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị N được ly hôn anh T; giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2019; giao cho anh T được nuôi dưỡng cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/12/2017; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*”. Bị đơn là anh Trần Xuân T có địa chỉ tại xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không bảo ban được nhau, dẫn đến vợ chồng không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và đã có thời gian ly thân, đã được Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị N xin ly hôn; anh T không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng của chị N và anh T đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng, xin được đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân, vợ chồng anh không có biện pháp hòa giải để hàn gắn về đoàn tụ nên việc anh T xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung sau ly hôn cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên về con chung nên giao cho chị Ngân trực tiếp nuôi cháu Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2019; anh T trực tiếp nuôi cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/12/2017. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị N và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Xuân T.

- Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2019;

Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 22/12/2017.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000506 ngày 14/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- THA Lập Thạch;
- UBND xã Xuân Lôì;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Nga